

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3841.289

Fax: (0292) 3841.116

Website: www.caseamex.com.vn

Email: caseamex@vnn.vn

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp
đăng ký lần đầu ngày 23/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/08/2015)



Bản Thông tin tóm tắt này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3841.289

Fax: (0292) 3841.116

Website: www.caseamex.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, số 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (028) 6299 2006

Fax: (028) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Võ Đông Đức – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3841.289

Fax: (0292) 3841.116

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM.....	3
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2. Cơ cấu tổ chức công ty	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	15
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	16
6. Hoạt động kinh doanh.....	16
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất	21
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	22
9. Chính sách đối với người lao động.....	23
10. Chính sách cổ tức.....	25
11. Tình hình tài chính	25
12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)	30
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	31
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	35
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	35
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	36
1. Hội đồng quản trị	37
2. Ban kiểm soát.....	41
3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	45
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	48
IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	49
V. PHỤ LỤC.....	50

I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Tổ chức đăng ký giao dịch, CASEAMEX	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
CTĐC	Công ty đại chúng
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
TP	Thành phố
VĐL	Vốn điều lệ
SLCP	Số lượng cổ phiếu

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Tên tiếng Anh: **CAN THO IMPORT EXPORT SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **CASEAMEX**

Ngày trở thành CTĐC: Ngày 19 tháng 03 năm 2010.

Người đại diện pháp luật: Ông Võ Đông Đức – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trụ sở chính: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

Số điện thoại: (0292) 3841 289 - Số Fax: (0292) 3841 116

Website: www.caseamex.com - Email: caseamex@vnn.vn

Logo:



VĐL đăng ký: 150.923.260.000 đồng.

VĐL thực góp: 150.923.260.000 đồng.

Giấy CN ĐKDN: Số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 23/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/08/2015.

Ngành nghề SXKD chính: Sản xuất, chế biến và kinh doanh thủy sản (cá tra, cá basa, tôm,...)

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: CCA

- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.092.326 cổ phiếu.
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch (tính theo mệnh giá): 150.923.260.000 đồng.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty đã xác định danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty so với các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.
- Tại thời điểm 08/10/2019, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là: 98.753 cổ phần, chiếm 0,65% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) tiền thân là Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ (CATACO) với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến xuất khẩu cá tra và cá basa đông lạnh.

Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tổng hợp như sau:

Giai đoạn	Sự kiện tiêu biểu
2006 - 2013	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 01/07/2006, theo chủ trương của Chính phủ về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, CASEAMEX được tách ra từ CATACO và chuyển đổi sang công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 28 tỷ đồng. ▪ Cùng với sự phát triển của sản phẩm cá tra và cá basa trên thị trường thế giới kết hợp với kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo, CASEAMEX không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng quản lý

và quy mô xuất khẩu. Để hỗ trợ cho việc chủ động nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất, Công ty đã đầu tư Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản với tổng diện tích trên 15ha tại Ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (thành lập ngày 14/02/2008) và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 ha tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang,... có khả năng tự cung tự cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy.

- Tháng 03/2008, Công ty thành lập Nhà máy chế biến Cafish tại Lô 4, Khu công nghiệp Trà Nóc I chuyên sản xuất chế biến các sản phẩm từ tôm và các mặt hàng thủy hải sản khác.

- Sau 8 năm hoạt động độc lập, Công ty đã trở thành 1 trong 10 doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra, trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.

- 2014 - 2019**
- Mặt hàng chủ lực của CASEAMEX là chế biến cá tra, cá basa đông lạnh, tôm sú, tôm càng HOSO/HLSO, PD, CPTO và PUD, cùng một số sản phẩm từ các loại thủy sản khác như đùi ếch, bạch tuộc, mực, lươn.
 - Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/08/2015 với vốn điều lệ đăng ký là 150.923.260.000 đồng.

1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 23/06/2006, Công ty đã trải qua các đợt tăng vốn như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
GIAI ĐOẠN TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG TẠI UBCKNN				
2006	Công ty cổ phần thành lập trên cơ sở vốn điều lệ đăng ký là 28.000.000.000 đồng.			- Giấy CN ĐKKD số 5703000210 do Sở KH&ĐT tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/06/2006 (VĐL: 28.000.000.000 đồng).
03/2007	27.160.000.000	55.160.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 1:0,26 (728.000 cổ phiếu). Chào bán cổ phiếu cho CĐHH (560.000 cổ phiếu), CBCNV (425.000 cổ phiếu), cổ đông bên ngoài (1.003.000 cổ phiếu)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2006 ngày 26/01/2007. - Giấy CN ĐKKD số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 23/01/2009.
06/2009	1.654.800.000	56.814.800.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100:3 (165.480 cổ phiếu).	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 ngày 18/04/2009.

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
GIAI ĐOẠN SAU KHI ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG TẠI UBCKNN (NGÀY 19/03/2010 TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHỨNG)				
07/2010	5.681.480.000	62.496.280.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 10 : 1 (568.148 cổ phiếu)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 ngày 07/05/2010. - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 02/06/2010. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 05/08/2010. - Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/08/2010.
12/2010	14.503.720.000	77.000.000.000	Chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho CBCNV (300.372 cổ phiếu) và đối tác chiến lược (1.150.000 cổ phiếu).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 63/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/09/2010. - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 26/11/2010. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 04/01/2011. - Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 12/03/2011

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
10/2011	3.000.000.000	80.000.000.000	Chuyển đổi từ 30.000 trái phiếu sang 300.000 cổ phiếu với tỷ lệ 1:10.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 18/04/2011. - Báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi số 74/2011/BC-HĐQT ngày 15/08/2011. - Báo cáo chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu số 90/2011/BC-HĐQT ngày 15/10/2011. - Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 28/10/2011
08/2012	19.997.060.000	99.997.060.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 4 : 1 (1.999.706 cổ phiếu).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 16/04/2012. - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 60/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2012. - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 07/08/2012. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 06/09/2012.

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				- Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 26/12/2012
11/2013	14.996.140.000	114.993.200.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100 : 15 (1.499.614 cổ phiếu).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 86/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2013; - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 06/11/2013. - Báo cáo kết quả phát hành số 98/2013/BC-HĐQT ngày 21/11/2013. - Thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành của UBCKNN ngày 29/11/2013. - Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 11/01/2014
06/2014	5.746.540.000	120.739.740.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100 : 5 (574.654 cổ phiếu).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 21/05/2014.

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả phát hành số 71/2014/BC-HĐQT ngày 20/06/2014. - Thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành của UBCKNN ngày 25/06/2014. - Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 24/07/2014.
12/2014	23.000.000.000	143.739.740.000	Chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho cổ đông chiến lược (2.300.000 cổ phiếu).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014. - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 23/12/2014. - Báo cáo kết quả phát hành số 139/BC-HĐQT.2014 ngày 24/12/2014. - Thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành của UBCKNN ngày 30/12/2014.

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
06/2015	7.183.520.000	150.923.260.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100 : 5 (718.352 cổ phiếu).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 27/04/2015; - Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 25/05/2015. - Báo cáo kết quả phát hành số 62/2015/BC-HĐQT ngày 16/06/2015. - Thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành của UBCKNN ngày 22/06/2015. - Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 24/08/2015

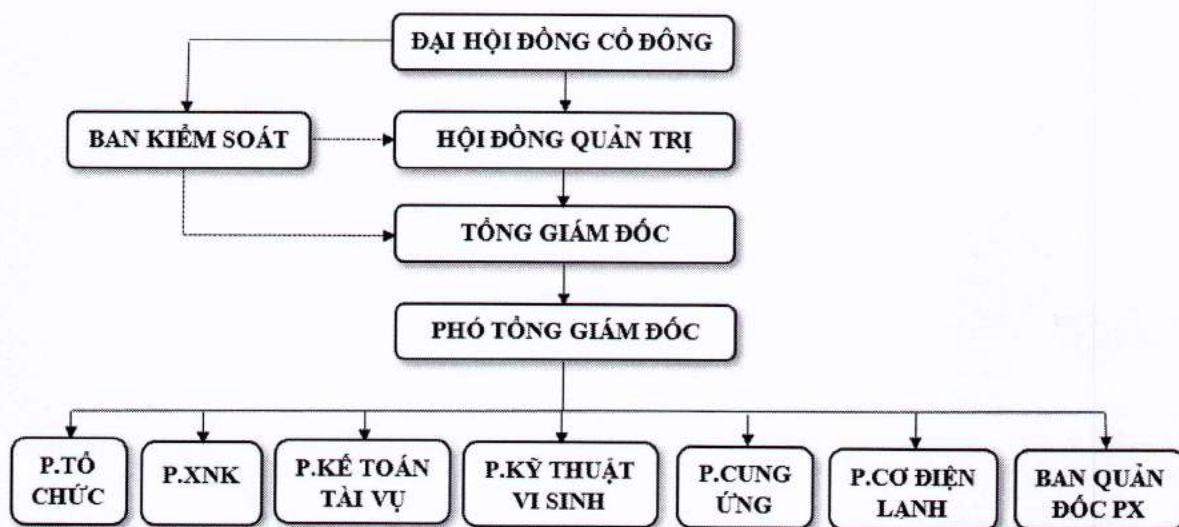
Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

2. Cơ cấu tổ chức công ty

STT	Công ty	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	Lô 2.12 Khu công nghiệp Trà Nóc 2, Quận Ô Môn, TP.Cần Thơ
2	Đơn vị trực thuộc	
-	Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư; thay Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty; thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc trong công tác điều hành của Tổng Giám đốc, được ủy quyền ký thay khi Tổng Giám đốc vắng mặt và được phân công nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn nhất định.

3.5 Các phòng ban chức năng

Hiện nay, Công ty có 06 phòng ban chức năng gồm: Phòng Tổ chức, Phòng Xuất nhập khẩu, Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Kỹ thuật vi sinh, Phòng cung ứng, Phòng Cơ điện lạnh và Ban Quản đốc phân xưởng. Theo đó, các phòng ban chức năng của Công ty có trách nhiệm:

- Trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn theo chịu sự chỉ đạo trực tiếp của các Trưởng Phòng ban và Ban Tổng Giám đốc.
- Thực hiện công tác kinh doanh và hỗ trợ kinh doanh.
- Thực hiện công tác quản lý và nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban theo quy chế hoạt động của Công ty.
- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nội dung công việc theo kế hoạch đề ra.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 08/10/2019 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	389	13.635.264	90,34%
	- Tổ chức	1	125.692	0,83%
	- Cá nhân	388	13.509.572	89,51%
2	Cổ đông nước ngoài	3	98.753	0,65%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	3	98.753	0,65%
3	Cổ phiếu quỹ	1	1.358.309	9,00%
@	Tổng cộng	393	15.092.326	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Caseamex ngày 08/10/2019.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/10/2019 như sau:

Stt	Cổ đông	ĐKSH số	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ trên SLCP đang lưu hành
1	Võ Đông Đức	360045871	46A/8 Bùi Hữu Nghĩa, P. B.Thủy, Q.B.Thủy, TP Cần Thơ.	5.364.623	39,06%
2	Nguyễn Thị Thanh Vân	082172000 346	178/107 đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ	743.264	5,41%
3	Nguyễn Trường Sơn	361827192	59 Nguyễn Cư Trinh, An Nghiệp, Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	737.125	5,37%
@	TỔNG CỘNG			6.845.012	49,84%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Caseamex ngày 08/10/2019.

4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ chính thức thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/06/2006. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

Không có.

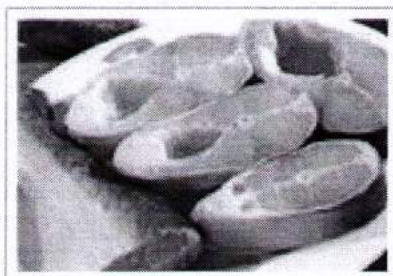
6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm chính:

Trong nhiều năm liền, Công ty luôn được công nhận là một trong 10 doanh nghiệp lớn của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản chế biến đông lạnh với mặt hàng chủ lực là cá tra.

Hình ảnh một số mặt hàng nổi bật của Công ty:

Cá tra:

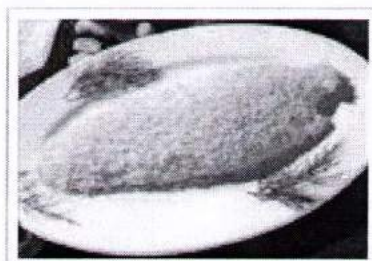


Cá tra cắt khoanh

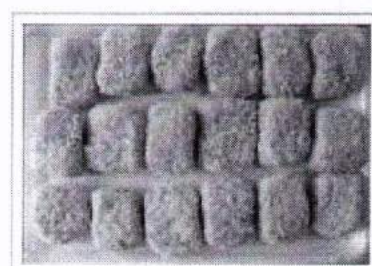


Cá tra fillet, thịt...

Cá tra tẩm bột:

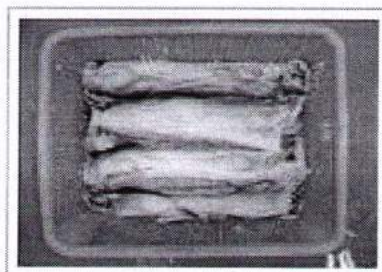


Light yellow...

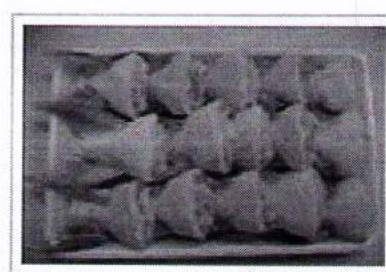


Portion, Breaded

Phụ phẩm:



Da cá tra



Vay cá Tra

Nguồn: CASEAMEX.

6.2. Nguồn nguyên liệu đầu vào:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là thịt cá tra và nguyên vật liệu bao bì để đóng gói sản phẩm.

Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Công ty đã xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào (khoảng 70-80%) cho quá trình sản xuất (được kiểm tra rất nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn SQF 1000 và HACCP). Số lượng còn lại thu mua từ các hộ nông dân, hợp tác nuôi theo chương trình SQF 1000, SQF 2000,... nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy vừa sạch vừa không nhiễm kháng sinh.

Để đảm bảo chất lượng của nguồn nguyên liệu, bộ phận kỹ thuật của công ty sẽ lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh và kháng sinh trước khi thu hoạch 7 – 10 ngày. Nguyên liệu chỉ được nhận khi kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

Một số nguồn cung cấp đầu vào chính của Công ty như sau:

- Thịt cá tra:

Stt	Nguồn cung cấp	Sản lượng cá tra (tấn)		
		Năm 2017	Năm 2018	9T.2019
1	Vùng nuôi	9.140	10.560	6.867
2	Liên kết các trại nuôi	3.450	3.160	2.758
@	Tổng cộng	12.590	13.720	9.625

Nguồn: CASEAMEX.

- Nguyên vật liệu bao bì:

Stt	Tên nhà cung cấp	Mã số thuế	Địa chỉ liên hệ
1	CTCP In & Bao Bì Đồng Tháp	1400102431	Số 212 Lê Lợi. P.3, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp

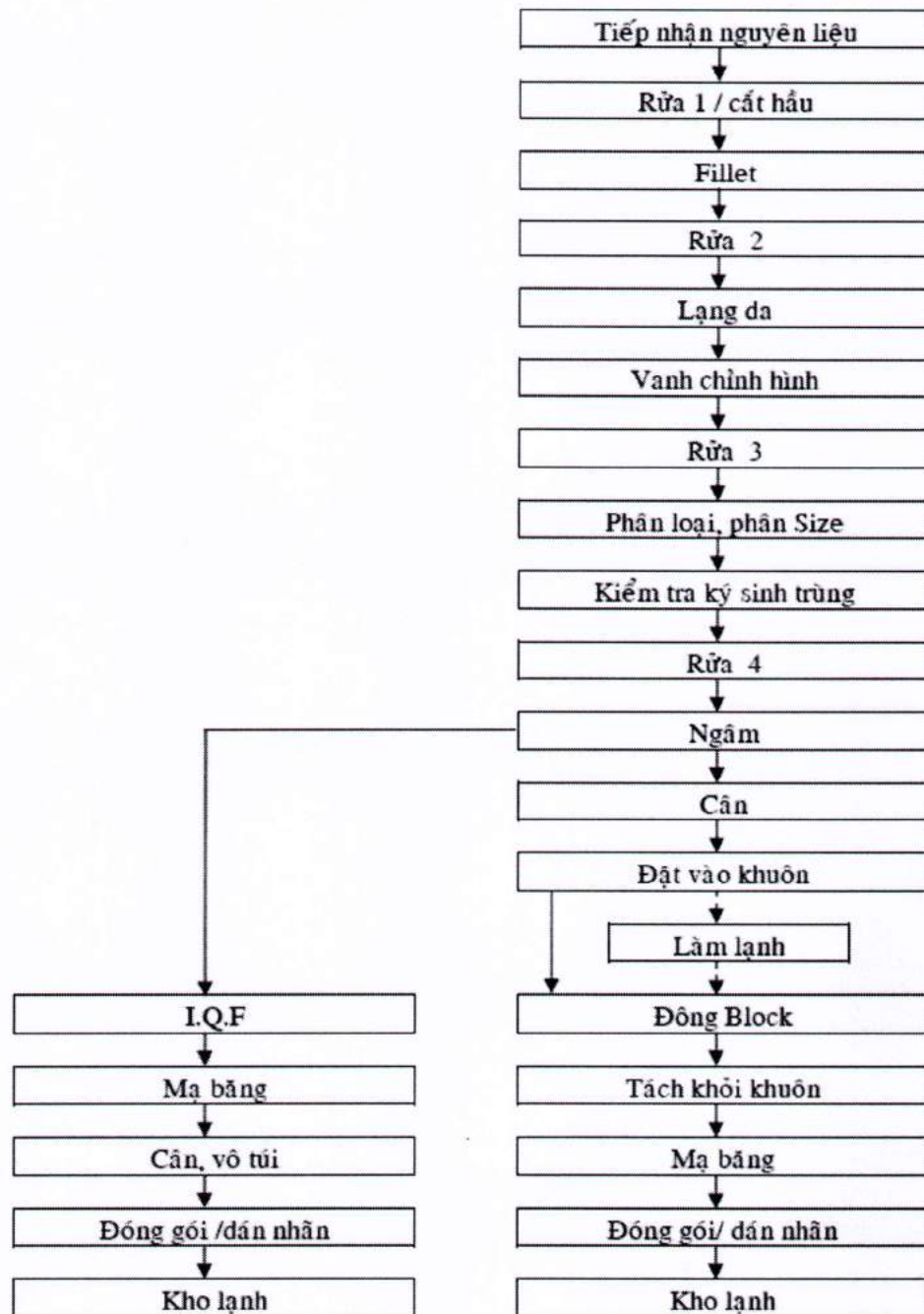
Stt	Tên nhà cung cấp	Mã số thuế	Địa chỉ liên hệ
2	CTCP Tập Đoàn Lộc Trời - CN XN Bình Đức	1600192619-009	Số 42 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang
3	CTCP Bao Bì Nhựa So Pha	0305395343	4/32 Lý Thường Kiệt, Khu phố 2, TT Hóc Môn, H. Hóc Môn, TPHCM
4	Công ty TNHH SX TM Song Việt	0306003495	1/5 Nguyễn Thế Truyện, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TPHCM
5	Công ty TNHH King Group	6300072013	Km 2087 + 550 QL1A, TT Cái Tắc, H. Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

Nguồn: CASEAMEX.

6.3. Công nghệ sản xuất sản phẩm:

Công ty đã mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc theo hướng khép kín từ đầu vào đến đầu ra và cải tiến công nghệ hiện đại với năng suất trên 25.000 tấn sản phẩm/năm để đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng.

Quy trình sản xuất sản phẩm khép kín của Công ty:



Nguồn: CASEAMEX

Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế Global GAP, SA 8000, BRC, HALAL, GMP, SSOP, HACCP, ISO 9001-2000, và SQF 2000, và áp dụng chương trình SQF 1000 cho việc cung cấp nguồn cá nguyên liệu sạch cho Công ty.

Hình ảnh một số chứng nhận của Công ty:



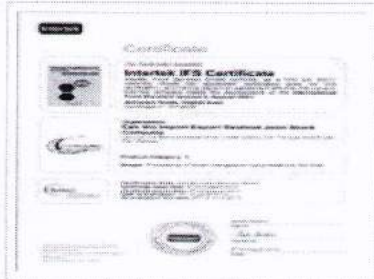
SA 8000



Global GAP



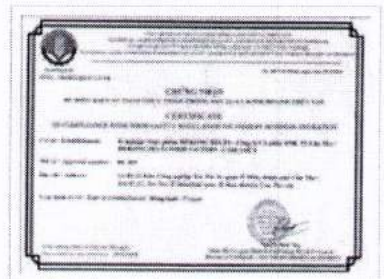
ISO 9001



IFS Certificate



BRC Certificate



HACCP

Nguồn: CASEAMEX.

6.4. Thị trường tiêu thụ:

Công ty đã tạo được uy tín trên thị trường trong nước cũng như quốc tế, được Châu Âu cấp Code công nhận hàng đủ tiêu chuẩn xuất vào thị trường châu Âu và liên tục được xếp trong nhóm 1 về xuất khẩu hàng thủy sản chế biến sang Châu Âu. Hiện nay sản phẩm của Công ty có mặt hầu hết các thị trường trên thế giới như: khối ASEAN, Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông, Canada, Mỹ, Nhật và EU.

Cơ cấu doanh thu phân theo thị trường của CASEAMEX như sau:

Stt	Thị trường	Tỷ trọng doanh thu		
		Năm 2017	Năm 2018	9T.2019
1	Trong nước	33%	27%	24%
2	Xuất khẩu	67%	73%	76%
	- Châu Âu	16%	9%	18%
	- Châu Mỹ	23%	34%	36%
	- Trung Đông	7%	18%	12%
	- Châu Á và thị trường khác	22%	11%	10%
	Tổng cộng	100%	100%	100%

Nguồn: CASEAMEX.

6.5. Cơ cấu tiêu thụ sản phẩm:

Cơ cấu doanh thu phân theo các loại sản phẩm của CASEAMEX như sau:

ĐVT: Triệu đồng.

Stt	Cơ cấu doanh thu	Năm 2017	Năm 2018	9T.2019
1	Doanh thu bán thành phẩm (cá tra đã chế biến)	427.307	599.279	358.866
2	Doanh thu bán phụ phẩm (từ cá tra)	48.107	53.243	35.308
3	Doanh thu bán nguyên liệu (thịt cá tra)	57.710	60.114	26.383
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	198	198	2.947
@	Tổng cộng	533.322	712.834	423.504

Nguồn: CASEAMEX.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% (+/-)	9T.2019
1	Tổng giá trị tài sản	567.605	569.841	0,39%	647.970
2	Vốn chủ sở hữu	215.691	224.104	3,90%	219.815
3	Doanh thu thuần	526.917	705.439	33,88%	420.302
4	Lợi nhuận từ HĐKD	8.664	20.288	134,16%	12.011
5	Lợi nhuận khác	46	(287)	-	14
6	Lợi nhuận trước thuế	8.710	20.001	129,63%	12.025
7	Lợi nhuận sau thuế	7.389	16.977	129,76%	9.445
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	15.704	16.317	3,90%	16.005

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

Năm 2018 vừa qua là một năm thuận lợi và thành công đối với ngành xuất khẩu cá tra tại Việt Nam. Hầu hết các thị trường chủ lực nhập khẩu cá tra từ Việt Nam đều tăng trưởng mạnh mẽ, trong đó Mỹ và Trung Quốc là hai thị trường có tỷ trọng xuất khẩu cá tra của Việt Nam cao nhất và kim ngạch xuất khẩu vào hai thị trường này cũng tăng cao. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ tăng 60%, Trung Quốc tăng 29%, và các thị trường lớn tiếp theo cũng đều tăng như EU tăng 20%, ASEAN tăng 42% so với năm 2017.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tính đến hết năm 2018, tổng diện tích thu hoạch cá tra tại Đồng bằng Sông Cửu Long đạt trên 6.417 ha, tăng 8,2%, và tổng sản lượng đạt 1,29 triệu tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Hưởng lợi từ tình hình chung của thị trường, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan về doanh thu và lợi nhuận với tốc độ tăng trưởng lần lượt là 34% và 130% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó việc kiểm soát hiệu quả chi phí giá vốn hàng bán của Công ty đã góp phần giúp cho tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn đáng kể so với doanh thu.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

- Sau 18 năm là tiền thân của Xí nghiệp chế biến Thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ và nhiều năm phát triển độc lập, CASEAMEX đã cố gắng tìm tòi học hỏi kinh nghiệm trong phương cách quản lý, lao động sản xuất kinh doanh, và đã có sự phát triển ổn định trên nhiều phương diện.
- Công ty đã tạo được uy tín trên thị trường trong nước cũng như quốc tế, được châu Âu công nhận hàng đủ tiêu chuẩn xuất vào thị trường châu Âu; Công ty cũng đã liên tục nhiều năm được đánh giá thuộc nhóm 1 về xuất khẩu hàng thủy sản chế biến đông lạnh sang châu Âu. Được công nhận là một trong 10 đơn vị chế biến thủy-hải sản lớn của Việt Nam, hiện nay sản phẩm của CASEAMEX đã có mặt hầu hết các thị trường trên Thế giới.
- CASEAMEX là Công ty có quy mô thuộc vào những doanh nghiệp lớn trong ngành chế biến thủy sản xuất khẩu của cả nước. Trong quá trình hoạt động, đơn vị luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững xuyên suốt từ khâu nuôi trồng cho đến quản lý chất lượng sản xuất và cả khâu bán hàng. Hiện nay, Công ty đặt lên hàng đầu chương trình kiểm soát vùng nuôi cũng như ao nuôi nhằm mục tiêu xây dựng vùng nuôi an toàn thân thiện với môi trường, không sử dụng kháng sinh và hóa chất bị cấm, thực hành nuôi tốt GAP; đầu tư kinh phí thực hiện quy trình tự xử lý nước cho ao nuôi và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn về môi trường, giữ gìn nước nguồn của dòng sông Mekong để ngành cá da trơn Việt Nam có điều kiện sản xuất không đi ngược lại với quyền lợi của cộng đồng và xã hội.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính đến hết năm 2018 tổng diện tích thu hoạch cá tra tại Đồng bằng sông Cửu Long đạt trên 6.417 ha, tăng 8,2%; tổng sản lượng đạt 1,29 triệu tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2017. Theo ước tính năm 2019 diện tích nuôi cá tra toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long sẽ tăng khoảng 3,3%, sản lượng ước đạt 1,42 triệu tấn, tăng 8,4% so với năm 2018.

- Mỹ và Trung Quốc vẫn là hai thị trường có tỷ trọng xuất khẩu cá tra cao nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu vào hai thị trường này cũng tăng cao, trong đó sang Mỹ tăng 60%, Trung Quốc tăng 29%, xuất khẩu sang các thị trường lớn tiếp theo cũng đều tăng như EU tăng 20%, ASEAN tăng 42% so với năm 2017.
- Theo diễn biến của chiến tranh thương mại Mỹ và Trung Quốc, Mỹ đã tăng dần mức thuế quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc, danh mục tăng thuế có các sản phẩm về thủy sản với mức thuế là 10%. Vì vậy theo nhận định trên, các mặt hàng thủy sản của Trung Quốc sẽ bị hạn chế nhập khẩu vào thị trường Mỹ, bên cạnh đó nếu chiến tranh thương mại kéo dài có khả năng thuế suất các mặt hàng thủy sản có thể là 25% theo như đề nghị của Tổng thống Donald Trump.
- Ngày 14/01/2019 Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam, như vậy Việt Nam là quốc gia thứ 7 thực thi hiệp định này, dự báo sẽ mang lại cơ hội tốt cho thủy sản Việt Nam. Các nước ký kết CPTPP cam kết xóa bỏ hoàn toàn từ 97% đến 100% số dòng thuế với hàng hóa nhập khẩu xuất xứ từ Việt Nam, trong đó có mặt hàng thủy sản.
- Ngày 30/09/2019, Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đã ký Hiệp định thương mại tự do VN - EU (EVFTA), Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa hai bên (IPA). Theo đó, ngành thủy sản sẽ được hưởng lợi ngay khi hiệp định EVFTA có hiệu lực thuế nhập khẩu vào EU sẽ giảm về 0% trong vòng 3 đến 4 năm (Hiện nay mức thuế suất nhập khẩu vào EU là khoảng 14%).
- Chương trình thanh tra cá da trơn FSIS đã công nhận sự tương đồng của cá tra Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu vào thị trường Mỹ, quy định mới này nếu được chính quyền Mỹ thông qua sẽ là cơ hội rất lớn cho xuất khẩu cá tra Việt Nam vào thị trường này.
- Ngoài những thị trường khó tính, trong năm 2019 ngành cá cũng đã có chiến lược tiếp tục phát triển những thị trường đầy tiềm năng khác tại khu vực châu Á như thị trường Trung Đông. Các tiểu Vương quốc Arab Thống Nhất, Ai Cập và Saudi Arabia là 3 thị trường lớn nhập khẩu cá tra Việt Nam. Chỉ riêng trong năm 2018, các thị trường này đã nhập khẩu với tổng giá trị 290 triệu USD cá tra Việt Nam và dự kiến nhu cầu nhập khẩu mặt hàng cá đông lạnh sẽ còn gia tăng trong các năm tiếp theo.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 30/09/2019, tổng số lượng lao động trong Công ty đạt 708 người, không thay đổi so với số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2018.

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✚ Chính sách nhân sự chung:

- Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.
- Tổ chức hội thảo chuyên kỹ thuật từng quý để nâng cao kiến thức kỹ thuật mới cho bộ phận kỹ thuật và người lao động tại cơ sở sản xuất. Khuyến khích người lao động trong Công ty phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ lâu dài cho đơn vị.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên làm việc. Cụ thể, hàng năm Công ty tổ chức thăm hỏi cán bộ công nhân viên có việc ma chay, hiếu, hỷ; đến thăm và vận động quyên góp giúp đỡ cho các gia đình cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn,... . Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức tham quan, học tập, tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao... nhằm giúp nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

✚ Chính sách lương thưởng:

- Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.
- Công ty thực hiện chế độ nâng lương hàng năm cho CBCNV và quan tâm thường xuyên đến việc cải thiện, nâng cao thu nhập, đời sống CBCNV.
- Nhằm khuyến khích, động viên CBCNV tích cực gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng xứng đáng, thiết thực cho người lao động. Ngoài các đợt khen thưởng hàng quý, năm còn có thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc cải tiến quản lý mang lại hiệu quả cao cho Công ty.
- Việc khen thưởng thực hiện thường xuyên, kịp thời đã khuyến khích, động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tinh cạnh tranh của Công ty.
- Mức lương bình quân trong năm 2018 của Công ty là 6.465.140 đồng/người/tháng, tăng 37% so với mức lương bình quân năm 2017.

✦ Chính sách đào tạo phát triển:

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc nhằm mục đích:

- + Cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nhân viên áp dụng thành công khi có các thay đổi về công nghệ trong doanh nghiệp;
- + Khuyến khích, động viên nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân viên;
- + Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị kiến nghị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (tính trên vốn điều lệ) của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức
2017	5%	Tiền mặt (đã thanh toán) ⁽¹⁾
2018	10%	Tiền mặt (đã thanh toán) ⁽²⁾
2019	Dự kiến 7,03%	Tiền mặt (chưa thanh toán)

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 25/05/2018, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 12/04/2019.

- (1) Căn cứ Thông báo số 33/TB.2018 ngày 01/06/2018, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền năm 2017 cho cổ đông vào ngày 01/07/2018.
- (2) Căn cứ Thông báo số 24/TB.2019 ngày 10/05/2019, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 cho cổ đông vào ngày 24/05/2019.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

❖ Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08 năm

❖ **Tài sản cố định vô hình:**

- Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.
- Chương trình phần mềm máy tính: được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.312	3.058	2.617
2	Thuế TNDN tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	7	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	331	331	18
4	Thuế tài nguyên	2	4	4
5	Tiền thuê đất	350	471	43
@	TỔNG CỘNG	1.995	3.871	2.682

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN):

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 57221000003 ngày 05/12/2006 do Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ cấp, Công ty nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm cuối cùng dự án được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.709.867.469	20.001.482.488

Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	21.148.488	369.597.602
Thu nhập chịu thuế	8.731.015.957	20.371.080.090
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	8.731.015.957	20.371.080.090
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.746.203.191	4.074.216.018
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(434.232.616)	(1.016.008.338)
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Thuế TNDN phải nộp	1.311.970.575	3.058.207.680
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	8.650.242	(33.829.210)
Thuế TNDN còn phải nộp	1.320.620.817	3.024.378.470

Việc xác định thuế TNDN phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.508	2.508	2.508
2	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.159	8.008	8.008
@	TỔNG CỘNG	9.667	10.516	10.516

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
I	Vay ngắn hạn	221.008	209.900	225.455
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	202.828	209.900	225.455
-	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Cần Thơ ⁽¹⁾	28.028	29.900	45.556

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tây Đô	174.800	-	-
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đồng Bằng Sông Cửu Long ⁽²⁾	-	180.000	179.899
2	Vay dài hạn đến hạn trả	18.180	-	-
II	Vay dài hạn	41.911	21.169	21.169
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Cần Thơ 2 ⁽³⁾	41.911	21.169	21.169
	Tổng cộng	262.919	231.069	246.624

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn.
- (3) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ 2 để đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay hoàn trả được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất.

11.1.6. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	140.493	153.488	139.340
1	Phải thu khách hàng	118.229	151.391	137.072
2	Trả trước cho người bán	1.630	1.859	6.155
3	Phải thu khác	26.017	15.422	5.344
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.383)	(15.184)	(9.231)
II	Các khoản phải thu dài hạn	6.724	8.224	8.224
1	Trả trước cho người bán dài hạn	6.624	8.124	8.124
2	Phải thu dài hạn khác	100	100	100
	Tổng cộng	147.217	161.712	147.564

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
I	Nợ ngắn hạn	309.913	320.501	403.309
1	Phải trả người bán ngắn hạn	40.725	46.488	59.817
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.609	10.764	58.594
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.995	3.872	2.682
4	Phải trả người lao động	2.413	9.169	11.667
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	977	4.032	5.026
6	Phải trả ngắn hạn khác	36.185	36.275	40.068
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	221.008	209.900	225.455
II	Nợ dài hạn	42.001	25.236	24.846
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	41.911	21.169	21.169
2	Phải trả dài hạn khác	90	4.067	3.677
	Tổng cộng	351.914	345.737	428.155

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

11.1.7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Nguyên liệu, vật liệu	6.544	5.501	4.579
2	Công cụ, dụng cụ	13	13	-
3	Chi phí SXKD dở dang	129.443	127.806	188.652
4	Thành phẩm	58.759	31.578	87.446
	Tổng cộng	194.759	164.898	280.677

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

11.1.8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000	-	-
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000	-	-
2	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	5.000	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

11.1.9. Nợ tiềm tàng

- Ngày 31/03/2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01/08/2011 đến ngày 31/07/2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 21/03/2017, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 12 (POR 12 từ ngày 01/08/2014 đến ngày 31/07/2015) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 2,39 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 15/03/2018, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 13 (POR 13 từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/07/2016) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 3,87 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,20	1,15
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,57	0,63

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,00	60,67
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	163,16	154,28
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	2,40	3,40
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0,93	1,24
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1,40	2,41
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,43	7,72
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	1,30	2,99
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,64	2,88

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CASEAMEX.

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

⚡ Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	220.777	65.846	29,82%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	94.203	38.453	40,82%
2	Máy móc, thiết bị	113.311	23.953	21,14%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.867	3.440	34,86%
4	TSCĐ hữu hình khác	3.396	-	-
II	TSCĐ vô hình	26.916	23.799	88,42%
1	Quyền sử dụng đất	26.848	23.799	88,64%
2	Phần mềm máy tính	68	-	-
@	Tổng cộng	247.693	89.645	36,19%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CASEAMEX.

✦ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
I	Mua sắm tài sản cố định	2.060	2.060	2.060
1	Chuyển nhượng đất Trà Vinh	1.600	1.600	1.600
2	Chuyển nhượng đất Tân Thạnh An	460	460	460
II	Xây dựng cơ bản dở dang	102.349	93.565	95.202
1	Công trình xây dựng dự án Gia Phúc – Nhà ở xã hội	90.111	93.565	95.202
2	Công trình kho lạnh	12.238	-	-
@	Tổng cộng	104.409	95.625	97.262

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019 của CASEAMEX.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ vào tình hình diễn biến của thị trường và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm hoạt động tiếp theo để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Do đó, hiện tại Công ty chưa lập kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức cho năm 2020.

Ngoài ra, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 12/04/2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020	
	KH2019	% (+/-) /TH2018	KH2020	% (+/-) /KH2019
Vốn điều lệ	150.923	-	-	-
Doanh thu thuần	700.000	(0,71%)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	15.000	(25,00%)	-	-
Tỷ lệ LN/DTT	2,14%	-	-	-

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020	
	KH2019	% (+/-) /TH2018	KH2020	% (+/-) /KH2019
Tỷ lệ LNTT/VĐL	7,94%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	9,94%	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 12/04/2019 của CASEAMEX.

Trên cơ sở thận trọng, kế hoạch doanh thu năm 2019 được Công ty đặt ra thấp hơn so với kết quả thực hiện năm 2018 dựa trên cơ sở phân tích về thị trường, nguồn vốn và điều kiện kinh doanh của Công ty như sau:

- Mặc dù thị trường Trung Quốc là thị trường tiềm năng tiêu thụ cá tra Việt Nam, tuy nhiên trong thị trường này ẩn chứa nhiều rủi ro, và áp dụng hàng rào kỹ thuật, những biện pháp kiểm tra nghiệm ngặt về sản phẩm nhập khẩu cũng như truy xuất nguồn gốc sản phẩm cá tra xuất khẩu của Việt Nam;
- Các nước khu vực châu Á cũng đã phát triển nuôi cá tra cạnh tranh với cá tra Việt Nam nhằm giảm thiểu cá tra nguyên liệu cung cấp cho thị trường trong nước như: Trung Quốc đã nuôi và thu hoạch 10.000 tấn cá tra ở đảo Hải Nam, sản lượng cá Ấn Độ đạt 650.000 tấn, Bangladesh thu hoạch 450.000 tấn, Indonesia thu hoạch đạt 110.000 tấn;
- Với hạn mức tín dụng đã được các ngân hàng cấp chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, vì vậy cũng một phần làm ảnh hưởng đến năng lực hoạt động của Công ty chỉ hoạt động mang tính chất ổn định chưa thể đột phá đẩy mạnh tăng doanh số.

Mặc dù kế hoạch doanh thu năm 2019 chỉ giảm 0,71% so với doanh thu năm 2018, nhưng kế hoạch lợi nhuận trước thuế giảm mạnh 25% so với cùng kỳ do các chi phí đầu vào được Công ty ước tính sẽ tăng cao trong năm 2019 như: chi phí điện, chi phí nhân công, chi phí thuê mặt bằng, chi phí xử lý nước thải,... lãi suất ngân hàng tuy có giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao.

13.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

✦ Giải pháp về phát triển kinh doanh

- Duy trì điều kiện sản xuất hiện có của nhà xưởng và hoàn thiện nhà xưởng kho trữ hàng hóa đáp ứng và đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn sản xuất và chất lượng hàng hóa tốt nhất.

- Nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu đơn hàng của những nhà nhập khẩu lớn. Tìm kiếm thêm thị trường lớn, thị trường tiềm năng để đưa sản phẩm đến các siêu thị, nhà hàng và các cửa hàng thức ăn nhanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, định mức chế biến, tăng năng suất, giảm giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nhân cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.
- Đảm bảo uy tín chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng cũng như tiến độ giao hàng.
- Giữ vững và từng bước nâng cao doanh số, nâng cao thị phần và mở rộng thị trường trong nước, nâng cao vị thế của Công ty trong ngành chế biến thủy sản.
- Hoàn thiện các tiêu chuẩn đã đạt được và cập nhật xây dựng các tiêu chuẩn mới nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn để sản phẩm có thể vào tất cả các thị trường trên thế giới, quan trọng nhất là đáp ứng điều kiện tương đương theo luật Farm Bill của Mỹ.
- Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

✚ Giải pháp về sản xuất

- Tập trung nguồn lực về vốn và nhân sự để đầu tư trọng điểm cho các vùng nuôi nhằm đảm bảo đầy đủ, kịp thời nhu cầu cá nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đảm bảo đạt chất lượng cá tốt cho xuất khẩu, đáp ứng đúng về size cỡ, phục vụ đủ tổng sản lượng nguyên liệu sản xuất theo kế hoạch đã đề ra.
- Quan tâm thường xuyên nghiên cứu tìm hiểu về quy trình, công nghệ sản xuất chế biến nhằm kịp thời cải tiến, thay thế để đem lại hiệu quả sản xuất tốt nhất, sản phẩm đạt chất lượng cao nhất, yêu cầu định mức chế biến ổn định.
- Tuân thủ và duy trì hệ thống quản lý chất lượng HACCP, BRC, IFS, HALAS, ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC.
- Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch sản lượng sản xuất đã đề ra.

✚ Giải pháp về tiếp thị

- Quảng bá thương hiệu để khách hàng nhận diện sự khác biệt của chất lượng sản phẩm CASEAMEX. Tạo hình ảnh tốt trong hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản mang tính chất ổn định, bền vững, thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa thị trường, mở rộng các thị trường mới như: Trung Đông, Trung Quốc,...
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng các nước, các nhà nhập khẩu để có chính sách điều chỉnh và nâng cao mẫu mã chất lượng hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Chủ động tổ chức và tham gia các chiến dịch truyền thông bảo vệ hình ảnh cá tra Việt Nam.

- Thường xuyên tham gia khảo sát thị trường, các hội chợ triển lãm quốc tế chuyên ngành, các hội thảo diễn đàn doanh nghiệp do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức để tìm khách hàng tin cậy và tìm kiếm cơ hội tiêu thụ hàng hóa.

✚ Giải pháp về nuôi trồng

- Tiếp tục xem xét quy hoạch lại vùng nuôi, phát triển và hoàn thiện các tiêu chuẩn phù hợp cho các vùng nuôi của Công ty phấn đấu đạt sản lượng từ 17.000 đến 20.000 tấn nguyên liệu/năm. Liên doanh liên kết các trại nuôi vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ 100% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động.
- Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, có kế hoạch thay thế bổ sung đàn cá bố mẹ để tạo đủ số lượng con giống có chất lượng tốt và sạch bệnh. Đẩy mạnh hợp tác, đầu tư cải tiến chất lượng giống để có con giống tốt và sạch bệnh. Liên kết các công ty giống tạo nguồn giống đạt tiêu chuẩn chất lượng, đủ cung cấp cho các trại nuôi cùng như góp phần cung cấp con giống cho khu vực.
- Phối hợp với các nhà cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc thủy sản trong việc kiểm tra kiểm soát chất lượng thức ăn và chất lượng thuốc thủy sản nhằm đảm bảo thời gian nuôi, định mức thức ăn, đạt mức tăng trọng tốt cho tất cả các vùng nuôi.
- Liên doanh liên kết các trại nuôi, vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ 100% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động.

✚ Giải pháp về vốn

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, duy trì tình hình tài chính lành mạnh ổn định, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích đạt hiệu quả cao. Tranh thủ các nguồn vốn vay ngắn hạn, trung và dài hạn của ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh và dự trữ hàng nhằm đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.
- Có kế hoạch kiểm tra đôn đốc, thu hồi công nợ, nhằm tạo thuận lợi sử dụng vòng quay vốn nhanh và hiệu quả.
- Tăng cường công tác đầu tư vốn và hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ, trang trại nuôi trồng thủy sản để có nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, kiểm soát được nguồn gốc chất lượng nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, xuất khẩu.

- Tìm cơ hội kêu gọi đầu tư, góp vốn, huy động vốn, tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng đủ nguồn lực về vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tăng trưởng của Công ty.

13.3. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 09 tháng đầu năm 2019

Trong 09 tháng đầu năm 2019, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt kết quả lần lượt là 420 tỷ đồng và 12 tỷ đồng. Với kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên, Công ty đã hoàn thành 60% kế hoạch doanh thu và 80% kế hoạch lợi nhuận của năm 2019. Căn cứ điều kiện thị trường hiện tại, Ban lãnh đạo Công ty sẽ nỗ lực hoàn thành 80-90% kế hoạch doanh thu và 100% kế hoạch lợi nhuận đặt ra cho năm 2019.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch
Không có.
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty
Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Họ tên	Chức vụ
-----	--------	---------

Hội đồng quản trị

1	Ông Võ Đông Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Võ Thị Thanh Nga	Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất
5	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Quản đốc nhà máy sản xuất

Ban kiểm soát

1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Phạm Lệ Liễu	Phó Ban kiểm soát
3	Bà Lê Ánh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1	Ông Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Lâm Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Bùi Khắc Chung	Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông Võ Đông Đức - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên: Võ Đông Đức
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 06/02/1959
 Nơi sinh: Vĩnh Long
 CMND: 360045871, ngày cấp: 19/04/2004, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Vĩnh Long
 Địa chỉ thường trú: 46A/8 Bùi Hữu Nghĩa, Bình Thủy, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học chăn nuôi thú y và Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Giám đốc
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 5.364.623 cổ phiếu, chiếm 39,06% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 5.364.623 cổ phiếu, chiếm 39,06% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.2. Ông Nguyễn Chí Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Chí Thảo

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 01/07/1968
 Nơi sinh: Cà Mau
 CMND: 361133038, ngày cấp: 01/07/2013, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cà Mau
 Địa chỉ thường trú: 96/3 Lý Tự Trọng, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế (Tài chính)

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Trợ lý Giám đốc.
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 42.266 cổ phiếu, chiếm 0,31% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 42.266 cổ phiếu, chiếm 0,31% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.3. Ông Nguyễn Thanh Giang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Thanh Giang
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 16/04/1960
 Nơi sinh: Hậu Giang

CMND: 360083492, ngày cấp: 26/07/2006, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Hậu Giang
 Địa chỉ thường trú: 69/38 Cách Mạng Tháng 8, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học chăn nuôi thú y

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Phó Quản đốc sản xuất.
+ 07/2006 – 05/2010	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó quản đốc nhà máy sản xuất
+ 06/2010 - 09/2011	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Trưởng phòng tổ chức nhân sự
+ 10/2011 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 5.767 cổ phiếu, chiếm 0,04% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 5.767 cổ phiếu, chiếm 0,04% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.4. Bà Võ Thị Thanh Nga – Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất

Họ và tên: Võ Thị Thanh Nga
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 06/10/1965

Nơi sinh: Hậu Giang
 CMND: 360957661, ngày cấp: 21/10/2014, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cần Thơ
 Địa chỉ thường trú: 9/29 Đường 30-4, Ninh Kiều, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học chăn nuôi thú y

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Quản đốc sản xuất.
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 154.534 cổ phiếu, chiếm 1,13% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 154.534 cổ phiếu, chiếm 1,13% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.5. Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc – Thành viên HĐQT kiêm Phó Quản đốc nhà máy sản xuất

Họ và tên: Lê Huỳnh Thanh Trúc

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 06/04/1967

Nơi sinh: Tân An, Phong Dinh

CMND: 092167001117, ngày cấp: 29/05/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cần Thơ
 Địa chỉ thường trú: 9/30 KDC số 9 đường 30/4, Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ sinh hóa

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Phó Quản đốc sản xuất.
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó quản đốc nhà máy sản xuất
+ 04/2015 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó quản đốc nhà máy sản xuất

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 36.499 cổ phiếu, chiếm 0,27% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 36.499 cổ phiếu, chiếm 0,27% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Ông Lý Quốc Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Lý Quốc Tuấn

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 1974

Nơi sinh: Cần Thơ

CMND: 361551074, ngày cấp: 25/10/2007, nơi cấp: Cần Thơ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cần Thơ

Địa chỉ thường trú: 15/56 Hoàng Văn Thụ, Ninh Kiều, Cần Thơ

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Nhân viên phòng kế toán.
+ 07/2006 – 02/2010	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Nhân viên phòng kế toán
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Trưởng BKS
+ 03/2010 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó phòng kế toán

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Phó phòng kế toán

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 27.702 cổ phiếu, chiếm 0,20% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 27.702 cổ phiếu, chiếm 0,20% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.2. Bà Phạm Lệ Liễu – Phó Ban kiểm soát

Họ và tên: Phạm Lệ Liễu
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 19/09/1969
 Nơi sinh: Cần Thơ
 CMND: 361169422, ngày cấp: 04/02/2008, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cần Thơ
 Địa chỉ thường trú: 148/274/38 đường 3-2, Hưng Lợi, Ninh Kiều, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Nga Văn

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Nhân viên phòng kinh doanh.
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó Ban kiểm soát kiêm Phó phòng kinh doanh

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Ban Kiểm soát kiêm Phó phòng kinh doanh
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 23.651 cổ phiếu, chiếm 0,17% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 23.651 cổ phiếu, chiếm 0,17% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3. Bà Lê Ánh Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Ánh Hồng

Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 06/08/1965
 Nơi sinh: Tân An, Phong Dinh
 CMND: 360927912, ngày cấp: 22/04/2005, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Bến Tre
 Địa chỉ thường trú: 67/24 Phan Đăng Lưu, Ninh Kiều, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Bằng Quản lý nhân sự

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Nhân viên phòng tổ chức.
+ 07/2006 – 04/2019	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó phòng tổ chức nhân sự
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Thành viên BKS
+ 05/2019 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Trưởng phòng tổ chức nhân sự

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng tổ chức nhân sự
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 5.213 cổ phiếu, chiếm 0,04% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 5.213 cổ phiếu, chiếm 0,04% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Ông Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc: xem mục III – 1 – 1.1.

3.2. Ông Nguyễn Chí Thảo - Phó Tổng Giám đốc: xem mục III – 1 – 1.2.

3.3. Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc: xem mục III – 1 – 1.3.

3.4. Ông Lê Thành Được - Phó Tổng Giám đốc:

Họ và tên: Lê Thành Được
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 07/11/1967
 Nơi sinh: Cần Thơ
 Căn cước công dân: 361072644, ngày cấp: 29/06/2011, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cần Thơ
 Địa chỉ thường trú: Khu Hòa Thạnh A, P.Thới Hòa, Ô Môn, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Phó Giám đốc.
+ 07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 17.163 cổ phiếu, chiếm 0,12% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 17.163 cổ phiếu, chiếm 0,12% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.5. Ông Lâm Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc:

Họ và tên: Lâm Văn Minh
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 21/09/1975
 Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
 Căn cước công dân: 361740052, ngày cấp: 01/03/2007, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Kiên Giang
 Địa chỉ thường trú: 1D3 đường số 5, KDC Nam Long, KV 2, Hưng Thạnh, Cái Răng, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Nuôi trồng Thủy sản

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Tổ trưởng kỹ thuật thủy sản.
+ 07/2006 – 09/2006	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Tổ trưởng kỹ thuật thủy sản.
+ 10/2006 – 02/2012	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Trưởng phòng kỹ thuật thủy sản.
+ 02/2012 – 11/2015	Nghỉ việc.
+ 12/2015 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 33.135 cổ phiếu, chiếm 0,24% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 33.135 cổ phiếu, chiếm 0,24% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.6. Ông Phan Hoàng Duy – Phó Tổng Giám đốc:

Họ và tên: Phan Hoàng Duy
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22/08/1984
 Nơi sinh: Cần Thơ
 Căn cước công dân: 362086012, ngày cấp: 29/05/2013, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cần Thơ
 Địa chỉ thường trú: Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp.Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học khai thác thủy sản

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 01/2008 – 05/2014	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Nhân viên phòng xuất khẩu
+ 06/2014 – 11/2015	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó phòng xuất khẩu
+ 12/2015 – 07/2017	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Trưởng phòng kinh doanh
+ 08/2017 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 7.911 cổ phiếu, chiếm 0,06% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 7.911 cổ phiếu, chiếm 0,06% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.7. Ông Nguyễn Khắc Chung – Kế toán trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Khắc Chung

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 23/10/1965
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Căn cước công dân: 362026493, ngày cấp: 09/05/2013, nơi cấp: Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Bến Tre
 Địa chỉ thường trú: 148/276 đường 3/2, Hưng Lợi, Ninh Kiều, Cần Thơ
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước 07/2006	Xí Nghiệp Chế biến thực phẩm xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Phụ trách kế toán.
+ 07/2006 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Kế toán trưởng

Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
 Số CP nắm giữ tại ngày 08/10/2019: 118.559 cổ phiếu, chiếm 0,86% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 118.559 cổ phiếu, chiếm 0,86% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được căn cứ trên Luật doanh nghiệp năm 2005. Để tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành, Công ty cam kết sẽ sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo Luật doanh nghiệp năm 2014 và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, trong giai đoạn 2019 - 2020, Caseamex đặt ra các kế hoạch để tăng cường năng lực quản trị tại Công ty như sau:

- Cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành Công ty, đồng thời Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
- Hiện nay, Trưởng ban kiểm soát của công ty chưa phải là kế toán viên hay kiểm toán viên Chuyên nghiệp, đồng thời trưởng BKS hiện tại đang làm việc trong bộ phận kế toán của Công ty. Do vậy công ty cam kết kiện toàn lại Cơ cấu Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Ngoài ra, trong năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã đặt ra các kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị tại Công ty như sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Cùng đó, Ban kiểm soát sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để có những giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 1-2-3-4, số 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 6299 2006 Fax: (028) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ: 15-13, đường Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3764 995 Fax: (0292) 3764 996

Website: www.a-c.com.vn

V. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019.

Tp.Cần Thơ, ngày 04. tháng 12. năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC



VÕ ĐÔNG ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIẾU